ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64 /2016/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 19 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 17/09/2015 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về Khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Thực hiện theo Công văn số 475/HĐND-KT ngày 13/12/2016 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thỏa thuận điều chỉnh bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 885/TTr-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh đoạn 1, khoản 3 Điều 6 Quy định như sau:

"Xác định giá đất: Đất ở tại nông thôn ven đô thị, ven trục giao thông chính, ven trung tâm thương mại, dịch vụ nằm trên nhiều vị trí thì giá đất xác định theo từng phân đoạn vị trí của thửa đất đó và phải phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 10 Quy định này."

2. Điều chỉnh đoạn 1, khoản 3 Điều 7 Quy định như sau:

"Xác định giá đất: Đất ở tại đô thị nằm trên nhiều vị trí thì giá đất xác định theo từng phân đoạn vị trí của thửa đất đó và phải phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 10 Quy định này."

3. Điều chỉnh khoản 3 Điều 10 Quy định như sau:

"Đơn giá 01 m^2 đất nông nghiệp khác được xác định bằng đơn giá đất trồng cây lâu năm liền kề cùng khu vực, cùng loại đường phố, cùng vị trí."

4. Điều chỉnh khoản 10 Điều 10 Quy định như sau:

"Đơn giá các loại đất (không bao gồm các loại đất có thời hạn sử dụng đất lâu dài theo quy định của Luật Đất đai 2013) quy định tại Quy định này tính cho thời hạn sử dụng đất là 50 năm."

5. Điều chỉnh bảng giá đất trồng cây hàng năm của một số huyện, thị xã tại Điều 12 Quy định như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất vị trí 1 (1.000 đồng/m^2)					
		Xã trung du			Xã miền núi		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
I	**Thị xã Đồng Xoài**						
1	Phường: Tân Phú, Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Bình, Tân Đồng						
a	Đất nằm xen kẽ trong khu quy hoạch đất ở đô thị	80					
b	Đất nằm xen kẽ trong khu quy hoạch đất nông nghiệp	60					

6. Điều chỉnh bảng giá đất trồng cây lâu năm của một số huyện, thị xã tại Điều 13 Quy định như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất vị trí 1 (1.000 đồng/m^2)	
		Xã trung du	Xã miền núi

		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
I	**Thị xã Đồng Xoài**						
1	Phường: Tân Phú, Tân Xuân, Tân Thiện, Tân Bình, Tân Đồng						
a	Đất nằm xen kẽ trong khu quy hoạch đất ở đô thị	150					
b	Đất nằm xen kẽ trong khu quy hoạch đất nông nghiệp	100					
2	Xã: Tiến Hưng, Tiến Thành, Tân Thành			36			
II	**Thị xã Bình Long**						
1	Xã Thanh Lương				33		
III	**Thị xã Phước Long**						
1	Phường Long Phước	80					
2	Phường Long Thủy	72					
3	Phường: Sơn Giang, Thác Mơ				72		
4	Phường Phước Bình				80		
5	Xã: Long Giang				65	45	
VII	**Huyện Bù Đăng**						
1	Thị trấn Đức Phong				42	35	30
2	Minh Hưng				36		
3	Thống Nhất				34		
4	Phước Sơn (đường ĐT755 đoạn từ Ngã 3 Xe Vàng đến ranh xã Phước Sơn – Thống Nhất)				34		
IX	**Huyện Bù Đốp**						
1	Xã: Tân Tiến, Thanh Hòa				40		
2	Xã Thiện Hưng				40	30	

7. Điều chỉnh bảng giá đất nuôi trồng thủy sản của một số huyện, thị xã tại Điều 16 Quy định như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (không phân biệt khu vực, vị trí) (1.000 đồng/m^2)	
		Xã trung du	Xã miền núi
VI	**Huyện Đồng Phú**		
1	Thị trấn Tân Phú	28	

8. Điều chỉnh bảng giá đất ở khu vực nông thôn của một số huyện, thị xã tại Điều 17 Quy định như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất vị trí 1 (1.000 đồng/m^2)					
		Xã trung du			Xã miền núi		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
I	**Thị xã Đồng Xoài**						
1	Xã: Tiến Hưng, Tiến Thành, Tân Thành	195					
II	**Thị xã Bình Long**						
1	Xã Thanh Lương				187,2		
III	**Thị xã Phước Long**						
1	Xã: Long Giang, Phước Tín				160	130	
XI	**Huyện Phú Riềng**						
1	Xã Bình Sơn				132		

9. Điều chỉnh bảng giá đất ở khu vực nông thôn ven đô thị, ven trục đường giao thông chính, ven trung tâm thương mại, dịch vụ của một số huyện, thị xã tại Điều 18 Quy định như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất vị trí 1 (1.000 đồng/m^2)					
		Xã trung du			Xã miền núi		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
I	**Thị xã Đồng Xoài**						
1	Xã: Tiến Hưng, Tiến Thành, Tân Thành	1.500	900				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất vị trí 1 (1.000 đồng/m^2)					
		Xã trung du			Xã miền núi		
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
II	**Thị xã Bình Long**						
1	Xã Thanh Lương				1.296	864	
2	Xã Thanh Phú				1.077		
V	**Huyện Hớn Quản**						
	Xã: Tân Quan	400	325	265			
VII	**Huyện Bù Đăng**						
1	Xã Minh Hưng				1.050		
2	Xã Thống Nhất					630	
IX	**Huyện Bù Đốp**						
1	Xã Thanh Hòa				1.200	1.000	
2	Xã Thiện Hưng				1.450	850	

10. Điều chỉnh bảng giá đất ở khu vực đô thị của một số huyện, thị xã tại Điều 19 Quy định như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Giá đất (1.000 đồng/m^2)			
			Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	**Thị xã Đồng Xoài**	**III**				
	Đường phố loại 1		7.500	1.800	1.400	900
	Đường phố loại 2		4.000	1.200	800	700
	Đường phố loại 3		2.500	1.000	700	600
	Đường phố loại 4		1.000	700	550	450
5	**Huyện Đồng Phú (Thị trấn Tân Phú)**					
	Đơn giá đất ở của ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú là 150.000 đồng/m^2 (không phân biệt khu vực, vị trí)					
8	**Huyện Bù Đốp (Thị trấn Thanh Bình)**					
	Đường phố loại 1	**V**	2.000			
	Đường phố loại 2		1.200			

11. Điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường (điều chỉnh hệ số giá đất, điều chỉnh tên đường, diều chỉnh đoạn đường hoặc điều chỉnh khu vực, loại đường phố; bổ sung các tuyến đường mới) tại Phụ lục 1 và 2.

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này, các nội dung khác vẫn thực hiện theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1 (Điều chỉnh, bổ sung)

BẢNG QUY ĐỊNH PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ

ĐỐI VỚI KHU VỰC NỘI Ô THỊ XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số: 64 /2016/QĐ-UBND ngày 19/ 12 /2016 của UBND tỉnh)

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
A	**Thị xã Đồng Xoài**				
I	**Đường phố loại 1**				
1	Quốc lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	-Trụ điện số 14 (hướng Chơn Thành)- P.Tân Phú; - Hẻm 635 QL 14 –P.Tân Bình	1,2	điều chỉnh hệ số
2	Quốc lộ 14	-Trụ điện số 14 (hướng Chơn Thành)- P.Tân Phú; - Hẻm 635 QL 14 –P.Tân Bình	Ranh giới xã Tiến Thành	1,0	điều chỉnh hệ số
3	Quốc lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	- Điểm cuối ranh Cây xăng Công ty vật tư -P.Tân Đồng - Số nhà 285 QL 14 – P.Tân Thiện	1,2	điều chỉnh hệ số
4	Quốc lộ 14	- Điểm cuối ranh Cây xăng Công ty vật tư -P.Tân Đồng - Số nhà 285 QL 14 – P.Tân Thiện	- Ngã 3 đường số 1 - QL14 – P.Tân Đồng - Ngã 3 đường Nguyễn Huệ - QL14 – P.Tân Thiện	1,0	điều chỉnh hệ số
5	Quốc lộ 14	- Ngã 3 đường số 1 -QL14 - phường Tân Đồng - Ngã 3 đường Nguyễn Huệ - QL14 - phường Tân Thiện	Cầu số 2 ranh giới huyện Đồng Phú	0,9	điều chỉnh giá
7	Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	- Đường Lê Quý Đôn –P.Tân Thiện - Đường hẻm đầu tiên song song với đường Nơ Trang Long - P.Tân Bình	1,5	điều chỉnh hệ số
8	Phú Riềng Đỏ	- Đường Lê Quý Đôn –P.Tân Thiện - Đường hẻm đầu tiên song song với đường Nơ Trang Long - P.Tân Bình	- Cống Tầm Vông -P. Tân Xuân - Cống Tầm Vông – P.Tân Bình	1,3	điều chỉnh hệ số
9	Phú Riềng Đỏ	- Cống Tầm Vông -P. Tân Xuân - Cống Tầm Vông – P.Tân Bình	- Ngã ba đường Nguyễn Huệ - Phú Riềng Đỏ - P.Tân Xuân - Trụ điện H45 – P.Tân Bình	1,1	điều chỉnh hệ số
10	Phú Riềng Đỏ	Ngã tư Đồng Xoài	- Lý Thường Kiệt – P.Tân Phú - Hẻm 1170 – P.Tân Đồng	1,2	điều chỉnh hệ số
11	Phú Riềng Đỏ	- Lý Thường Kiệt – P.Tân Phú - Hẻm 1170 – P.Tân Đồng	- Đường Trương Công Định – P.Tân Phú - Hẻm 1308 – P.Tân Đồng	1,0	điều chỉnh hệ số
12	Phú Riềng Đỏ	- Đường Trương Công Định – P.Tân Phú - Hẻm 1308 – P.Tân Đồng	- Trụ điện H19 –P.Tân Phú - Cổng trường Nghiệp vụ cao su – P.Tân Đồng	0,9	điều chỉnh hệ số
13	Hùng Vương	Quốc lộ 14	Phú Riềng Đỏ	1,4	điều chỉnh hệ số
14	Trần Hưng Đạo	Phú Riềng Đỏ	Hai Bà Trưng	1,4	điều chỉnh hệ số
	Khu vực Chợ				
1	Đường số 1	Quốc lộ 14	Đường số 7	1,4	điều chỉnh hệ số
2	Đường số 2	Đường số 7	Phú Riềng Đỏ	1,4	điều chỉnh hệ số
3	Đường số 3	Quốc lộ 14	Đường số 5	1,4	điều chỉnh hệ số
4	Đường số 4	Quốc lộ 14	Đường số 7	1,4	điều chỉnh hệ số
5	Đường số 5	Đường Điểu Ông	Đường Trần Quốc Toản	1,4	điều chỉnh hệ số

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
6	Đường số 6	Đường số 1	Đường số 4	1,4	điều chỉnh hệ số
7	Đường số 7	Đường Điểu Ông	Đường Trần Quốc Toản	1,4	điều chỉnh hệ số
8	Đường số 8	Đường số 2	Đường Trần Quốc Toản	1,4	điều chỉnh hệ số
9	Đường số 9	Đường số 2	Đường Điểu Ông	1,4	điều chỉnh hệ số
10	Đường Điểu Ông	Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	1,4	điều chỉnh hệ số
11	Trần Quốc Toản	Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	1,4	điều chỉnh hệ số
	Trung tâm thương mại thị xã Đồng Xoài				
1	Phạm Ngọc Thảo	Toàn tuyến		1,4	điều chỉnh hệ số
2	Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		1,4	điều chỉnh hệ số
3	Nơ Trang Long	Phú Riềng Đỏ	Đường số 20	1,4	điều chỉnh hệ số
4	Đường số 20	Điểu Ông	Nơ Trang Long	1,4	điều chỉnh hệ số
5	Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		1,4	điều chỉnh hệ số
II	**Đường phố loại 2**				
3	Lê Quý Đôn - p. Tân Bình	Phú Riềng Đỏ	QL14	2,2	điều chỉnh hệ số
5	Lê Quý Đôn	Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,3	điều chỉnh hệ số
7	Đường 6/1	Lê Duẩn	Nguyễn Văn Linh	1,3	điều chỉnh hệ số
8	Nguyễn Văn Cừ	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,3	điều chỉnh hệ số
9	Nguyễn Thị Minh Khai	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,3	điều chỉnh hệ số
10	Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,3	điều chỉnh hệ số
11	Lê Hồng Phong	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,3	điều chỉnh hệ số
12	Trường Chinh	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,3	điều chỉnh hệ số
13	Trần Hưng Đạo	Lê Duẩn	Nguyễn Chí Thanh	1,6	điều chỉnh hệ số
14	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Bỉnh	1,6	điều chỉnh hệ số
16	Nguyễn Huệ	- Đường vào Kp Suối Đá - bên trái hướng đường Phú Riềng Đỏ - Đường vào Kp Xuân Lộc - bên phải hướng đường Phú Riềng Đỏ	Phú Riềng Đỏ	0,6	điều chỉnh hệ số
17	Lê Duẩn	Hùng Vương	Lý Thường Kiệt	1,9	điều chỉnh hệ số
19	Nguyễn Chánh	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,2	điều chỉnh hệ số
20	Nguyễn Bỉnh	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,3	điều chỉnh hệ số
21	Lý Thường Kiệt	Ngã 3 Lê Duẩn - Lý Thường Kiệt	Hàm Nghi (đường Bùi Thị Xuân cũ)	1,3	điều chỉnh hệ số
22	Hàm Nghi (đường Bùi Thị Xuân cũ)	Lý Thường Kiệt	Hồ Xuân Hương	1,3	điều chỉnh hệ số
23	Nguyễn Chí Thanh	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,3	điều chỉnh hệ số
24	Đường số 30	Phú Riềng Đỏ	Đường số 20	1,2	điều chỉnh hệ số
25	Đường số 31	Phú Riềng Đỏ	Đường số 20	0,9	điều chỉnh hệ số

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
26	Đường số 20	Đường số 31	Đường số 30	1,2	điều chỉnh hệ số
27	Đường Võ Văn Tần (Đường số 20 cũ)	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	2,4	điều chỉnh hệ số
28	Các tuyến đường nằm trong khu phân lô tái định cư phía Đông Bắc đường Hùng Vương (P. Tân Bình)			1,0	điều chỉnh hệ số
29	Nguyễn Chánh (không áp dụng hệ số 0,5 đường này cho các vị trí 2, 3, 4)	Đường số 30	Ql14	0,5	bổ sung
III	**Đường phố loại 3**				
	Khu Trung tâm hành chính thị xã				
1	Cách Mạng Tháng Tám	Phú Riềng Đỏ	Tái định cư Khu Lâm Viên	1,1	điều chỉnh hệ số
2	Đặng Thai Mai	Cách Mạng Tháng Tám	Đất khu dân cư	1,1	điều chỉnh hệ số
3	Trương Công Định	Phú Riềng Đỏ	Tái định cư Khu Lâm Viên	1,1	điều chỉnh hệ số
4	Bùi Thị Xuân	Phú Riềng Đỏ	Đoàn Thị Điểm	1,1	điều chỉnh hệ số
5	Hoàng Văn Thụ	Lý Tự Trọng	Trần Hưng Đạo	1,1	điều chỉnh hệ số
6	Lý Tự Trọng	Nguyễn Văn Linh	Lê Hồng Phong	1,1	điều chỉnh hệ số
7	Trần Văn Trà	Quốc lộ 14	Trần Hưng Đạo	1,1	điều chỉnh hệ số
8	Nguyễn Thái Học	Trường Chinh	Nguyễn Chí Thanh	1,1	điều chỉnh hệ số
9	Hoàng Văn Thái	Lê Hồng Phong	Nguyễn Bỉnh	1,1	điều chỉnh hệ số
10	Nguyễn Thị Định	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Bỉnh	1,1	điều chỉnh hệ số
11	Huỳnh Văn Nghệ	Lê Hồng Phong	Nguyễn Bỉnh	1,1	điều chỉnh hệ số
12	Hà Huy Tập	6/1	Trần Hưng Đạo	1,1	điều chỉnh hệ số
13	Ngô Gia Tự	6/1	Trần Hưng Đạo	1,1	điều chỉnh hệ số
14	Trường Chinh	Trần Hưng Đạo	Đập Suối Cam	1,1	điều chỉnh hệ số
15	Lý Thường Kiệt	Phú Riềng Đỏ	Trần Phú	1,4	điều chỉnh hệ số
16	Trần Phú	Lý Thường Kiệt	QL 14	1,4	điều chỉnh hệ số
17	Bùi Hữu Nghĩa	Nguyễn Chánh	Nguyễn Bỉnh	1,1	điều chỉnh hệ số
18	Hai Bà Trưng	Quốc lộ 14	Trương Công Định	1,4	điều chỉnh hệ số
19	Đường N2	Nguyễn Huệ	Đường quy hoạch 32m	1,1	điều chỉnh hệ số
20	Đường N1	Đường D1	Đường quy hoạch 32m	0,7	điều chỉnh hệ số
21	Đường D1	Đường 753	Đường N2	0,7	điều chỉnh hệ số
22	Đường D2	Đường N2	Đường N1	0,7	điều chỉnh hệ số
23	Đường D3	Đường N2	Đường N1	0,7	điều chỉnh hệ số

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
24	Nguyễn Chí Thanh	Trần Hưng Đạo	Hết đường Nguyễn Chí Thanh	1,0	điều chỉnh hệ số
25	**Đường Hồ Xuân Hương phân thành 2 đoạn như sau:**				
25a	Đường Hồ Xuân Hương	Trường Chinh	Lô đất số 37 cụm E4-38	1,0	điều chỉnh đoạn, hệ số
25b	Đường Hồ Xuân Hương	Lô đất số 37 cụm E4-38	Phú Riềng Đỏ	0,8	điều chỉnh đoạn, hệ số
26	Ngô Quyền	Lê Quý Đôn	Cổng trường tiểu học	1,0	điều chỉnh hệ số
27	Đường 26/12 (P. Tân Phú)	Đường Phú Riềng Đỏ	Đặng Thai Mai	1,0	điều chỉnh hệ số
29	Đường số N-7 (trong khu quy hoạch dân cư cao su Đồng Phú)	Đường ĐT 741	Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, xã Tiến Thành	0,6	điều chỉnh hệ số
30	Đường số N-13 (trong khu quy hoạch dân cư cao su Đồng Phú)	Đường D9	Hồ Xuân Hương	0,6	điều chỉnh hệ số
31	Đường Đinh Công Tráng	Đường Phú Riềng Đỏ	Khu đất Tái định cư cho cán bộ trại giam An Phước	0,8	điều chỉnh hệ số
32	Đường số 26	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường số 20	0,8	điều chỉnh hệ số
33	Đường số 27	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường số 20	0,8	điều chỉnh hệ số
34	Đường số 28	Đường số 26	Đường số 30	0,8	điều chỉnh hệ số
35	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	0,8	điều chỉnh hệ số
36	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường quy hoạch 28m	0,7	điều chỉnh hệ số
37	Đường 753	Ngã tư Bàu Trúc	Ngã ba đường 753 với đường D1	1,0	điều chỉnh hệ số
38	Đường 753	Ngã ba đường 753 với đường D1	Cầu Rạt nhỏ	0,6	điều chỉnh hệ số
39	Đường 753	Cầu Rạt nhỏ	Cầu Rạt lớn (ranh huyện Đồng Phú)	0,5	điều chỉnh hệ số
40	Đoàn Thị Điểm	Cách Mạng Tháng Tám	Đất dân cư	0,8	điều chỉnh hệ số
41	Lê Lợi	Đặng Thai Mai	Phạm Hùng	0,8	điều chỉnh hệ số
42	Phạm Hùng	Đường 26 tháng 12	Đất dân cư	0,8	điều chỉnh hệ số
43	Đường Hai Bà Trưng nối dài	Trương Công Định	Bùi Thị Xuân	1,0	điều chỉnh hệ số
44	Đường quy hoạch (đoạn giữa đường Phú Riềng Đỏ và đường Phạm Hùng)	Bùi Thị Xuân	Đất dân cư	0,8	điều chỉnh hệ số
45	Đường quy hoạch (đoạn giữa đường Bùi Thị Xuân và đường quy hoạch)	Đường Hai Bà Trưng nối dài	Phạm Hùng	0,8	điều chỉnh hệ số
46	Đường Nguyễn Thượng Hiền (Bùi Hữu Nghĩa cũ)	Lý Thường Kiệt	Trần Hưng Đạo	1,0	điều chỉnh hệ số
47	02 đường quy hoạch (đoạn giữa đường Lý Thường Kệt và đường bên cạnh UBND phường Tân Phú)	Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền (Bùi Hữu Nghĩa cũ)	1,0	điều chỉnh hệ số
48	Đường quy hoạch (bên cạnh UBND phường Tân Phú)	Trần Phú	Trần Hưng Đạo	1,0	điều chỉnh hệ số
49	Đường quy hoạch	KDC Phú Thanh	Đường quy hoạch (bên cạnh UBND phường Tân Phú)	1,0	điều chỉnh hệ số
51	Đường số 1 - Phường Tân Đồng	QL14	Đất dân cư	0,6	điều chỉnh hệ số
52	Đường số 2 - Phường Tân Đồng	QL14	TTVH phường Tân Đồng	0,6	điều chỉnh hệ số
53	Đường Chu Văn An	Trương Công Định	Đường 26 tháng 12	0,8	điều chỉnh hệ số
54	Đường Hà Huy Tập	Trần Hưng Đạo	Đường quy hoạch khu dân cư phía bắc tỉnh	1,0	điều chỉnh hệ số
56	Các đường còn lại trong khu quy hoạch (khu A), khu dân cư cao su Đồng Phú			0,5	điều chỉnh hệ số

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
57	Các đường quy hoạch còn lại trong khu tái định cư Trung tâm hành chính thị xã đã được tráng nhựa			0,7	điều chỉnh hệ số
IV	**Đường phố loại 4**				
1	Đường Hồ Biểu Chánh (trước cổng trụ sở phường Tân Bình)	Phú Riềng Đỏ	Đường quy hoạch	1,8	điều chỉnh hệ số
2	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba Lê Duẩn - Lý Thường Kiệt	Trần Phú	1,6	điều chỉnh hệ số
3	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Nhà nước đã hoặc đang đầu tư xây dựng (chưa đổ nhựa) thuộc nội ô thị xã gồm: Khu dân cư trung tâm hành chính thị xã; Khu tái định cư Lâm viên phường Tân Phú			1,6	điều chỉnh hệ số
4	Các đường quy hoạch còn lại trong khu tái định cư Nhà nước đã hoặc đang đầu tư xây dựng (chưa đổ nhựa) thuộc Khu dân cư khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú			2,2	điều chỉnh hệ số
5	Các đường quy hoạch còn lại trong các khu tái định cư Nhà nước đã hoặc đang đầu tư xây dựng (chưa được đổ nhựa), thuộc nội ô thị xã, gồm: Khu tái định cư cấp cho cán bộ Trại giam An Phước; Khu tái định cư sở Nông nghiệp & PTNT- phường Tân Bình.			1,6	điều chỉnh hệ số
6	Các đường quy hoạch khu tái định cư Trung tâm văn hoá phường Tân Đồng			1,2	điều chỉnh hệ số
7	Các đường do nhân dân tự mở thuộc nội ô thị xã có bề rộng mặt đường từ 7 m trở lên			1,0	điều chỉnh hệ số
8	Các đường do nhân dân tự mở thuộc nội ô thị xã đã đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7 m trở lên			1,3	điều chỉnh hệ số
9	Các đường quy hoạch khu tái định cư trung tâm hành chính phường Tân Đồng (sau khi đã đầu tư xong cơ sở hạ tầng: đường đổ nhựa, lát vỉa hè…)			1,4	điều chỉnh hệ số
10	Các đường trong khu tái định cư làng quân nhân Binh đoàn 16			1,0	điều chỉnh hệ số
11	Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ	Toàn tuyến		1,8	điều chỉnh hệ số
12	Các đường quy hoạch khu tái định cư Trung tâm hành chính, phường Tân Đồng			1,2	bổ sung
B	**Thị xã Bình Long**				
III	**Đường phố loại 3**				
28	Lê Hồng Phong nối dài	Phạm Ngọc Thạch	Trần Quang Khải	0,7	Điều chỉnh đoạn, ĐP loại 4 lên ĐP loại 3, điều chỉnh hệ số
29	Đoàn Thị Điểm	Hùng Vương	Nguyễn Thái Học	0,8	ĐP loại 4 lên ĐP loại 3, điều chỉnh hệ số
30	Nguyễn Thái Học	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Huệ	0,7	ĐP loại 4 lên ĐP loại 3, điều chỉnh hệ số
IV	**Đường phố loại 4**				
6	Sư Vạn Hạnh (Đường lòng hồ Sa Cát cũ)	Lương Thế Vinh	Cuối đường	1,6	đổi tên đường
7	Cao Bá Quát (Đường lòng hồ Sa Cát cũ)	Lương Thế Vinh	Cuối đường	1,15	đổi tên đường
13	ALT2	Ngã ba cây xoài đôi	ĐT752 (cách 50m)	1,2	điều chỉnh hệ số
23	**HTC2 phân thành 2 đoạn**				
23a	Trần Quang Khải (HCT2 cũ)	Ngã ba ông Chín Song	Ngã 3 Hưng Phú	1,4	đổi tên đường, điều chỉnh hệ số
23b	HCT2	Ngã 3 Hưng Phú	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,0	điều chỉnh đoạn
25	Lương Thế Vinh (HCT19 cũ)	Ngã ba Xa Cam	Cao Bá Quát	1,2	đổi tên đường, điều chỉnh hệ số
30	**PTT1 phân thành 2 đoạn**				
30a	Bà Triệu	Trụ sở UBND p. Phú Thịnh	Nguyễn Du (cách 50m)	1,9	đổi tên đường
30b	Hai Bà Trưng	Trần Hưng Đạo (cách 50m)	Trụ sở UBND p. Phú Thịnh	1,9	đổi tên đường
31	Hồ Tùng Mậu (PTT6 cũ)	Trần Hưng Đạo (cách 50m)	Cầu Sắt	1,6	đổi tên đường
45	Hai Bà Trưng (PTT2 cũ)	Trụ sở UBND phường Phú Thịnh	Ngã ba nhà ông Trịnh	1,0	đổi tên đường

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
51	**PĐT1 phân thành 2 đoạn**				
51a	Huỳnh Thúc Kháng (PĐT1 cũ)	Trần Hưng Đạo (cách 200m)	Ngã 3 Núi Gió	2,0	đổi tên đường, điều chỉnh hệ số
51b	PĐT1	Ngã 3 Núi Gió	Cầu Ba Kiềm	2,0	điều chỉnh đoạn
57	Lê Thị Hồng Gấm (T2 Lý Thường Kiệt cũ)	Phan Bội Châu	Trần Hưng Đạo	1,6	đổi tên đường
59	Nguyễn Thị Minh Khai (Đường vào UBND p Phú Đức cũ)	Quốc lộ 13	UBND phường Phú Đức	1,6	đổi tên đường
60	Đinh Công Tráng (D1 KDC Thị ủy cũ)	Nguyễn Trãi	Phan Bội Châu	1,6	đổi tên đường
61	Nguyễn Đức Cảnh (D2 KDC Thị ủy cũ)	Nguyễn Trãi	Phan Bội Châu	1,6	đổi tên đường
C	**Thị xã Phước Long**				
I	**Đường phố loại 1**				
23	Đường vào nghĩa trang nhân dân Phước Bình (Phường Long Phước)	Ngã 3 giáp đường ĐT741	Cổng nghĩa trang	1,0	ĐP loại 3 lên ĐP loại 1
II	**Đường phố loại 2**				
17	Đường đi Suối Minh	Ngã ba giao đường ĐT 741	Ngã ba đường tự mở của bà Ngô Thị Mộng	1,2	điều chỉnh hệ số
18	Đường vòng Sân bay Phước Bình	Toàn tuyến		1,0	ĐP loại 3 lên ĐP loại 2
19	Đường Tập đoàn 7 (phần đất thuộc phường Long Phước)	Ngã ba giáp ĐT 741	Hết ranh quy hoạch khu tái định cư	0,95	ĐP loại 3 lên ĐP loại 2
III	**Đường phố loại 3**				
8	Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		1,5	điều chỉnh hệ số
11	ĐT 741	Cầu Suối Dung	Ngã ba giao đường Nhơn Hoà 1	1,2	điều chỉnh hệ số
13	Đường ĐT 759	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng	Giáp ranh xã Phước Tín	1,8	điều chỉnh hệ số
19	Đường Lê Quý Đôn (nối dài)	Ngã ba đường Lê Quý Đôn giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ	1,2	điều chỉnh hệ số
20	Đường Lê Quý Đôn (nối dài)	Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ	Hết tuyến	1,0	điều chỉnh hệ số
23	Đường Tập đoàn 7 (phần đất thuộc phường Sơn Giang)	Ngã ba giáp ĐT 741	Hết ranh quy hoạch khu tái định cư	1,5	điều chỉnh hệ số
25	Đường nội bộ khu dân cư y tế khu 5, Long Thủy	Các tuyến nội bộ		1,2	Bổ sung
IV	**Đường phố loại 4**				
25	Đường Đak Tôn	Ngã 3 giáp đường Vòng sân bay	Hết tuyến đường nhựa	1,2	điều chỉnh hệ số
41	Đường hẻm ra đường Tự Do và đường Trần Hưng Đạo	Ngã 3 giao đường Tự Do	Ngã 3 giao đường Trần Hưng Đạo	1,0	Bổ sung
42	Đường vào Hội trường khu phố 4 phường Thác Mơ	Ngã 3 giao đường Nguyễn Chí Thanh	Ngã 3 giao đường Trần Hưng Đạo	1,0	Bổ sung
43	Đường Sơn Thành	Ngã 3 giao đường Vòng sân bay	Hết tuyến đường nhựa	1,0	Bổ sung
44	Đường Cây Khế bà Định	Ngã 3 giao đường ĐT741	Hết ranh đất hộ ông Bùi Xuân Vinh	1,0	Bổ sung
45	Đường Cây Khế bà Định	Hết ranh đất hộ ông Bùi Xuân Vinh	Hết các tuyến đường nhựa	0,8	Bổ sung
D	**Huyện Chơn Thành**	**Thị trấn Chơn Thành**			
I	**Đường phố loại 1**				
1	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Ngã 3 đường vào Giáo xứ Chơn Thành	1,2	điều chỉnh hệ số
4	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, ấp 3)	0,6	điều chỉnh hệ số
5	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13)	Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, ấp 3)	Ranh giới xã Minh Hưng	0,5	điều chỉnh hệ số
6	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bến Đình	1,2	điều chỉnh hệ số
9	Đường Nguyễn Huệ (Quốc lộ 14)	Ngã tư Chơn Thành	Hết thửa đất nhà ông Đỗ Quốc Quýt (thửa số 99, tờ bản đồ số 90)	1,2	điều chỉnh hệ số
13	Đường Nguyễn Huệ (ĐT 751 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Hết sân vận động (giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Bằng)	1,2	điều chỉnh hệ số

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
III	**Đường phố loại 3**				
7	Đường Nguyễn Văn Linh (Đường TTHC huyện Chơn Thành đi xã Minh Hưng)	TTHC huyện Chơn Thành	Ranh giới xã Minh Hưng	0,7	Điều chỉnh tên
8	Đường N1, N9 (Khu TTHC huyện)	Toàn tuyến		0,7	điều chỉnh hệ số
9	Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính huyện	Hết tuyến		0,6	điều chỉnh hệ số
10	Đường Hồ Chí Minh	Ranh giới xã Minh Thành	Ranh giới xã Thành Tâm	0,5	Bổ sung
11	Đường Phước Long (đường N3 cũ)	Đường 02 tháng 4 (QL13)	Hết đất nhà ông Trần Dũng	0,8	Bổ sung
IV	**Đường phố loại 4**				
5	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4 , ấp Hiếu Cảm)	Đường Nguyễn Huệ (QL14)	Hết đất Nhà ông Nguyễn Văn Song (thửa số 209, tờ bản đồ số 28)	1,2	điều chỉnh tên, đoạn đường, hệ số
6	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4 , ấp Hiếu Cảm)	Hết đất Nhà ông Nguyễn Văn Song (thửa số 209, tờ bản đồ số 28)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	0,9	điều chỉnh tên, đoạn đường
34	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, ấp Hiếu Cảm)	Đường Nguyễn Huệ (Quốc lộ 14 cũ)	Hết đất của ông La Văn Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27	1,0	Bổ sung
35	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, ấp Hiếu Cảm)	Hết đất của ông La Văn Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27	Hết đất của bà Tống Thị Vân (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28	0,8	Bổ sung
36	Đường Cao Thắng (đường sỏi đỏ ấp Hiếu Cảm cũ)	Cầu Suối Đĩa (hết đất của ông Hoàng Văn Long)	Đường Hồ Chí Minh	0,8	Bổ sung
37	Đường Trần Quốc Toản	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Hết thửa đất nhà bà Phạm Thị Niêm (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 104)	1,0	Bổ sung
38	Đường Điểu Ong	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Ranh giới xã Thành Tâm	0,8	Bổ sung
39	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Đường Điểu Ong	0,8	Bổ sung
40	Đường Tô Hiến Thành	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Ranh giới xã Thành Tâm	0,9	Bổ sung
41	Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Huệ (Quốc lộ 14 cũ)	Đất nhà bà Nguyễn Thị Tám (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 06)	0,8	Bổ sung
42	Đường Đoàn Thị Điểm	Ngã ba đường Nguyễn Huệ (ĐT 751 cũ) và đường Ngô Gia Tự (đường số 3 cũ)	Hết đất nhà ông Trương Văn Tạng (thửa đất số 80, tờ bản đồ số 11)	0,8	Bổ sung
43	Đường Hào Hớn	Đường Phạm Hồng Thái (đường số 8 cũ)	Hết đất nhà bà Bùi Thị Sang (thửa đất số 38, tờ bản đồ số 19)	0,8	Bổ sung
44	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Phạm Hồng Thái (đường số 8 cũ)	Ranh giới xã Minh Long	0,8	Bổ sung
45	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Phạm Hồng Thái (đường số 8 cũ)	Hết đất nhà bà Trịnh Thị Miên (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 12)	0,8	Bổ sung
46	Đường Huỳnh Văn Bánh	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Ranh giới xã Minh Hưng	0,8	Bổ sung
47	Đường Tống Duy Tân	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Ngô Tất Tố (đường ấp 2 đi Minh Hưng)	0,8	Bổ sung
48	Đường Phan Kế Bính	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Ngô Tất Tố (đường ấp 2 đi Minh Hưng)	0,8	Bổ sung
49	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 02 tháng 4 (Quốc lộ 13 cũ)	Ngô Tất Tố (đường ấp 2 đi Minh Hưng)	0,8	Bổ sung
50	Đường Thành Thái	Đất nhà ông Trần Văn Thâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 66)	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thóc (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 80)	0,8	Bổ sung
51	Đường Đào Duy Từ	Đường Nguyễn Huệ (Quốc lộ 14 cũ)	Hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Tiếp (thửa đất số 253, tờ bản đồ số 20)	0,8	Bổ sung
52	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Nguyễn Huệ (Quốc lộ 14 cũ)	Đường Lê Duẩn (đường sỏi đỏ khu phố Trung Lợi cũ)	0,8	Bổ sung
53	Đường tổ 9, tổ 10, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 02)	Giáp đường Phạm Hồng Thái (thửa đất số 138, tờ bản đồ số 07)	0,8	Bổ sung

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
54	Đường tổ 01, tổ 12, ấp 2	Đường Hồ Hảo Hớn	Đường Nguyễn Công Hoan	0,4	Bổ sung
55	Đường tổ 11, ấp 2	Đường Nguyễn Công Hoan (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 11)	Ranh xã Minh Long	0,4	Bổ sung
56	Đường liên ấp 2 - ấp 3	Đất nhà ông Vũ Quốc Huy (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 11)	Đất nhà bà Nguyễn Thị Những (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 06)	0,4	Bổ sung
57	Đường liên ấp 2 - khu phố 2	Đất nhà bà Nguyễn Thị Ánh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 12)	Đường Nguyễn Huệ (ĐT 751 cũ): Đất nhà ông Lê Trọng Kết (thửa đất số 15, tờ bản đồ 62)	0,5	Bổ sung
58	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	0,4	Bổ sung
59	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	0,4	Bổ sung
60	Đường tổ 9, ấp 3	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01)	Đất nhà bà Trần Thị Nguyệt Hằng (thửa đất số 111, tờ bản đồ số 02)	0,4	Bổ sung
61	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 29, tờ bản đồ 16)	Đường Hồ Chí Minh	0,4	Bổ sung
62	Đường tổ 9, 10, ấp Hiếu Cảm	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 29, tờ bản đồ 108)	Đất nhà ông Huỳnh Chí Toại (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 109)	0,4	Bổ sung
63	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, ấp Hiếu Cảm	Đất bà Đào Thị Giảm (thửa đất số 31, tờ bản đồ 45),	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 111)	0,5	Bổ sung
64	Đường tổ 7A, ấp Hiếu Cảm	Đất nhà ông Nguyễn Văn Khoa	Đất nhà ông Nguyễn Văn Duyên	0,5	Bổ sung
65	Đường liên tổ 7A-7B, ấp Hiếu Cảm	Thửa đất số 31, tờ bản đồ 44,	Đất nhà ông Nguyễn Văn Điệu	0,4	Bổ sung
66	Đường tổ 4, ấp Hiếu Cảm	Thửa đất số 12, tờ bản đồ 46,	Suối Bàu Bàng (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 28)	0,4	Bổ sung
67	Đường tổ 6, ấp Hiếu Cảm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ 111)	Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115)	0,5	Bổ sung
68	Đường tổ 6, ấp Hiếu Cảm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 12, tờ bản đồ 46),	Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115)	0,5	Bổ sung
69	Đường tổ 7B, ấp Hiếu Cảm	Thửa đất số 31, tờ bản đồ 44,	Suối Lạnh (đất nhà ông Nguyễn Văn Bộ)	0,4	Bổ sung
70	Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Lê Duẩn (đường dòi đỏ khu phố Trung Lợi cũ): thửa đất số 102, tờ bản đồ 13)	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)	0,5	Bổ sung
71	Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi	Đường N9 (TTHC huyện): thửa đất số 36, tờ bản đồ 14,	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13)	0,5	Bổ sung
72	Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường TTHC-Minh Hưng): (thửa đất số 11, tờ bản đồ 14)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	0,4	Bổ sung
73	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường TTHC-Minh Hưng): (thửa đất số 23, tờ bản đồ 14)	Ranh giới xã Minh Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	0,4	Bổ sung
74	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ (QL 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ 15)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15)	0,4	Bổ sung
75	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Minh Thành	Đường Nguyễn Huệ (QL 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thức (thửa đất số 02, tờ bản đồ 16)	Ranh giới xã Minh Hưng (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05)	0,4	Bổ sung
76	Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4	Đường Trừ Văn Thố (ĐT 239 cũ): Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 130, tờ bản đồ 26)	Đất nhà bà Đặng Thị Sen (thửa đất số 27, tờ bản đồ 26)	0,4	Bổ sung
77	Đường tổ 3A, khu phố 4	Đất nhà bà Đinh Thị Tâm (thửa đất số 53, tờ bản đồ 26)	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 158, tờ bản đồ 26)	0,4	Bổ sung
78	Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4	Đất nhà bà Võ Thi Khen (thửa đất số 121, tờ bản đồ 25)	Đất nhà ông Phan Kỹ (thửa đất số 17, tờ bản đồ 32)	0,4	Bổ sung
79	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đất nhà ông Lê Ngọc Quý (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 31)	Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32)	0,4	Bổ sung

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
80	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đất nhà ông Lê Việt Hùng (thửa đất số 81, tờ bản đồ số 32)	Đất nhà bà Nguyễn Thị Tuyến (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 32)	0,4	Bổ sung
81	Đường tổ 4, khu phố 6	Đất nhà ông Trần Văn Non (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95)	Đất nhà ông Trương Văn Thông (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 34)	0,4	Bổ sung
82	Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6	Đất nhà ông Nguyễn Văn Đèo (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 99)	Đất nhà ông Trần Văn Hùng (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 34)	0,4	Bổ sung
83	Đường tổ 8, khu phố 7	Đường Phú Riềng Đỏ (đường Gò Mạc cũ): Thửa đất số 134, tờ bản đồ 34,	Đất nhà ông Trần Văn Đa (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 34)	0,4	Bổ sung
84	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7	Đường Phú Riềng Đỏ (đường Gò Mạc cũ): Thửa đất số 91, tờ bản đồ 34,	Đất nhà ông Huỳnh Văn Quan (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 34)	0,4	Bổ sung
85	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7	Đường Phú Riềng Đỏ (đường Gò Mạc cũ): Thửa đất số 142, tờ bản đồ 34,	Đường Phú Riềng Đỏ (đường Gò Mạc cũ): Thửa đất số 97, tờ bản đồ 34,	0,4	Bổ sung
86	Đường ranh giới thị trấn Chơn Thành – xã Thành Tâm	Đường Tô Hiến Thành (Thửa đất số 39, tờ bản đồ 33),	Đất nhà ông Trần Tuấn Vũ (thửa đất số 169, tờ bản đồ số 34)	0,4	Bổ sung
87	Đường tổ 7, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố (ĐT 239 cũ): Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ 29)	Ranh giới xã Minh Long (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 29)	0,4	Bổ sung
88	Đường tổ 4, khu phố 8	Đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 13, tờ bản đồ 30)	Đất nhà bà Nguyễn Anh Thư (thửa đất số 21, tờ bản đồ 23)	0,4	Bổ sung
89	Đường tổ 5, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố (ĐT 239 cũ): Đất nhà ông Đặng Long Hải (thửa đất số 07, tờ bản đồ 17)	Đất nhà ông Vũ Trung Đông (thửa đất số 28, tờ bản đồ 24)	0,4	Bổ sung
90	Đường tổ 9, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố (ĐT 239 cũ): Đất nhà ông Trịnh Đình Phối (thửa đất số 11, tờ bản đồ 23)	Đất nhà ông Vũ Trung Đông (thửa đất số 28, tờ bản đồ 24)	0,4	Bổ sung
91	Đường tổ 9, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố (ĐT 239 cũ): Đất nhà ông Đặng Văn Hơn (thửa đất số 01, tờ bản đồ 23)	Ranh giới xã Thành Tâm (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30)	0,4	Bổ sung
92	Đường liên khu phố 4 - khu phố 8	Đất nhà ông Đặng Thị Nguyệt (thửa đất số 88, tờ bản đồ 26)	Đất nhà ông Trần Văn Năm (thửa đất số 14, tờ bản đồ 30)	0,4	Bổ sung
E	**Huyện Đồng Phú**	**Thị trấn Tân Phú**			
II	**Đường phố loại 2**				
3	Đường N1 (Lý Nam Đế)	Toàn tuyến		1,0	điều chỉnh tên
4	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Đường N2 Lý Tự Trọng cũ)	Toàn tuyến		1,0	Điều chỉnh tên
5	Các đường phố còn lại trong khu trung tâm hành chính huyện	Toàn tuyến		0,8	ĐP loại 3 lên ĐP loại 2
6	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		1,0	ĐP loại 1 xuống ĐP loại 2
7	Các đường trong khu dân cư 17ha (trừ đường D6)	Toàn tuyến		1,0	Bổ sung
III	**Đường phố loại 3**				
2	Đường ngang khu hoa viên (N12 đến N15)	Toàn tuyến		1,0	điều chỉnh tên
3	Đường Hùng Vương	Nguyễn Hữu Thọ	Lý Nam Đế	1,0	điều chỉnh đoạn
4	Đường vào cầu Bà Mụ (Đường Phạm Ngọc Thạch)	CMT8	Hết khu dân cư tập trung (đường D1 Tôn Đức Thắng)	0,8	ĐP loại 4 lên ĐP loại 3
5	Đường D6 khu dân cư 17ha	Toàn tuyến		0,8	Bổ sung
6	Đường Tôn Đức Thắng	Toàn tuyến		0,8	Bổ sung
IV	**Đường phố loại 4**				
1	Đường Hùng Vương (Đường dọc vành đai Hoa viên tượng đài cũ)	Đầu nhà ông Trần Trọng Châu	Nguyễn Hữu Thọ	1,0	điều chỉnh tên, đoạn đường
F	**Huyện Lộc Ninh**	**Thị trấn Lộc Ninh**			

Số TT	Loại đường phố	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Ghi chú
		Từ	Đến		
II	**Đường phố loại 2**				
6	Lý Tự Trọng	Giáp đường Hùng Vương	Giáp đường 7/4	1,2	điều chỉnh hệ số
III	**Đường phố loại 3**				
10	Nguyễn Tất Thành	Giáp Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thiện	1,0	ĐP loại 4 lên ĐP loại 3
11	Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		1,0	ĐP loại 4 lên ĐP loại 3
IV	**Đường phố loại 4**				
33	Đường Võ Thị Sáu	Giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Toàn tuyến	0,7	điều chỉnh hệ số
35	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh quy định là đường phố loại 4, hệ số điều chỉnh 1,0				điều chỉnh hệ số
36	Những con đường còn lại chưa đặt tên trong thị trấn Lộc Ninh quy định là đường phố loại IV: đường bê tông ≥ 3,5m hệ số điều chỉnh 0,8; đường đất (hoặc rải sỏi) ≥ 3,5 m, hệ số điều chỉnh 0,7; mặt đường (không phân biệt chất liệu đường) < 3,5 m, hệ số điều chỉnh 0,4				điều chỉnh hệ số
G	**Huyện Bù Đăng**	**Thị trấn Đức Phong**			
I	**Đường phố loại 1**				
1	Quốc lộ 14	Ngã 3 nhà ông Năng (Km 908+00)	Cầu Bù Đăng (Km 908+700)	1,0	điều chỉnh hệ số
2	Quốc lộ 14	Cầu Bù Đăng (Km 908+700)	Suối nhỏ giáp nhà ông Hòa (Thi) (Km 909+980)	1,2	điều chỉnh hệ số
12	Quốc lộ 14	Suối nhỏ giáp nhà ông Hòa (Thi) (Km 909+980)	Cống ngang QL14 + 200m về hướng TT. Đức Phong (Km 910+850)	0,8	ĐP loại 2 lên ĐP loại 1
III	**Đường phố loại 3**				
12	Lý Thường Kiệt	Toàn tuyến		1,0	ĐP loại 4 lên ĐP loại 3
IV	**Đường phố loại 4**				
2	Quốc lộ 14	Ngã 3 nhà ông Năng (Km 908+00)	Giáp ranh với xã Đoàn Kết (Km 970+400)	1,0	điều chỉnh hệ số
H	**Huyện Bù Đốp**	**Thị trấn Thanh Bình**			
II	**Đường phố loại 2**				
13	Đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Toàn tuyến		1,0	ĐP loại 3 lên ĐP loại 2
14	Đường Tô Hiến Thành (N20)	Toàn tuyến		1,2	ĐP loại 3 lên ĐP loại 2

Phụ lục 2 (Điều chỉnh, bổ sung)

BẢNG QUY ĐỊNH CÁC TRỤC ĐƯỜNG VÀ PHÂN LOẠI KHU VỰC THUỘC KHU VỰC VEN ĐÔ THỊ, VEN TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, VEN TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

(Kèm theo Quyết định số: 64 /2016/QĐ-UBND ngày 19 / 12 /2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Xã	Khu vực	Ghi chú
		Từ	Đến				
A	**Thị xã Đồng Xoài**						
I	ĐT 741						
1	ĐT 741	Ranh giới phường Tân Bình, Tân Xuân	Ranh giới huyện Đồng Phú	1,5	Xã Tiến Hưng	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
II	Quốc lộ 14						
9	Các đường quy hoạch khu dân cư ấp 1 xã Tiến Thành còn lại			0,9	Xã Tiến Thành	Khu vực 2	điều chỉnh hệ số
10	Khu dân cư do công ty Thiên Phúc Lợi đầu tư tại ấp 2, xã Tiến Thành			1,4	Xã Tiến Thành	Khu vực 2	bổ sung
C	**Thị xã Phước Long**						
8	Đường trung tâm xã Long Giang	Giáp ranh phường Sơn Giang	Hết ranh Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang	1,2	Xã Long Giang	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
10	Đường vào Tập đoàn 7	Giáp ranh phường Sơn Giang	Hết ranh trường tiểu học thôn 7	1,2	Xã Long Giang	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
D	**Huyện Chơn Thành**						
I	Quốc lộ 13						
3	Quốc lộ 13	- Phía đông QL13: đường tổ ấp 1 (hết khu phân lô đường TTHC đi xã Minh Hưng) - Phía Tây QL13: đường tổ ấp 2 (đầu đất bà Nguyễn Thị Đào)	Đường đất đỏ (ranh giới ấp 3B và ấp 8, ấp 3A và ấp 9)	1,2	Xã Minh Hưng	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
IV	Quốc lộ 14						
8	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Minh Thắng (cầu suối Dung)	Ngã 3 đường liên xã Minh Lập đi ấp 7 xã Minh Thắng và ấp 6 xã Nha Bích	0,6	Xã Minh Lập	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
9	Quốc lộ 14	Ngã 3 đường liên xã Minh lập đi ấp 7 xã Minh Thắng và ấp 6 xã Nha Bích	Ngã tư khu vực tập thể đội sản xuất Nông trường Nha Bích	1,0	Xã Minh Lập	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
IX	Đường trục chính KCN Chơn Thành	Toàn tuyến		1,0	Xã Thành Tâm	Khu vực 2	bổ sung
X	Đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm	Toàn tuyến		1,0	Xã Thành Tâm	Khu vực 2	bổ sung
XI	Đường Hồ Chí Minh						
1	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		1,0	Xã Thành Tâm	Khu vực 2	bổ sung
2	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		1,0	Xã Minh Thành	Khu vực 2	bổ sung
XII	Đường số 29						
1	Đường số 29	HLLG đường ĐT 751	Cầu suối 1	0,5	Xã Minh Long	Khu vực 2	bổ sung
2	Đường số 29	Cầu suối 1	Ranh giới xã Minh Hưng	1,1	Xã Minh Long	Khu vực 3	bổ sung
XIII	Đường số 19						
1	Đường số 19	HLLG đường ĐT 751	Ngã 3 ranh giới ấp 1, ấp 7	0,5	Xã Minh Long	Khu vực 2	bổ sung
2	Đường số 19	HLLG đường ĐT 751	Ngã 3 ranh giới ấp 1, ấp 7	1,1	Xã Minh Long	Khu vực 3	bổ sung
XIV	Các tuyến đường liên xã	Toàn tuyến		1,1	Tất cả các xã trong huyện	Khu vực 3	điều chỉnh số thứ tự
XV	Các tuyến đường liên thôn, liên ấp; các tuyến đường bê tông nông thôn	Toàn tuyến		1,0	Tất cả các xã trong huyện	Khu vực 3	điều chỉnh số thứ tự

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Xã	Khu vực	Ghi chú
		Từ	Đến				
XVI	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,0	Tất cả các xã trong huyện	Khu vực 3	điều chỉnh số thứ tự
E	**Huyện Đồng Phú**						
I	**ĐT 741**						
10	ĐT 741	Cột điện 250	Trụ điện 260	1,0	Xã Tân Lập	Khu vực 2	điều chỉnh đoạn
11	ĐT 741	Trụ điện 260	Cột điện 20 (giáp ranh tỉnh Bình Dương)	1,06	Xã Tân Lập	Khu vực 1	KV2 lên KV1
III	**Đường ĐT 753**						
1	ĐT 753	Giáp ranh Đồng Xoài	Cột điện trung thế số 180 (UBND xã mới)	0,8	Xã Tân Phước	Khu vực 2	điều chỉnh đoạn
2	ĐT 753	Cột điện trung thế số 180 (UBND xã mới)	Cột điện trung thế 229 (Cầu Cứ)	1,0	Xã Tân Phước	Khu vực 3	điều chỉnh đoạn
V	**Đường ĐT 753B**						
1	Đường ĐT 753B	Trụ điện số 7 (Bù Đăng) hướng đi Lam Sơn (đối diện nhà ông Cẩm)	Ngã 3 Tân Phước Bù Đăng	0,3	Xã Đồng Tâm	Khu vực 3	bổ sung
2	Đường ĐT 753B	Giáp ranh xã Đồng Tâm (ranh giới thửa đất của hộ ông Trần Minh Lợi) đối diện trụ điện cao thế 78 (Bù Đăng)	Cột mốc địa giới hành chính 03X.1 (cột mốc 03 xã: Tân Phước, Nghĩa Trung, xã Thống Nhất)	0,3	Xã Tân Phước	Khu vực 3	bổ sung
F	**Huyện Hớn Quản**						
1	Quốc lộ 13	Ranh giới xã Tân Khai - Thanh Bình	Trạm thu phí	1,32	Xã Tân Khai	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
2	Quốc lộ 13	Trạm thu phí	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	1,32	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
3	Quốc lộ 13	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Điểm đầu Khu làm việc các cơ quan h.Hớn Quản	1,32	Xã Tân Khai	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
4	Quốc lộ 13	Điểm đầu Khu làm việc các cơ quan h.Hớn Quản	Ranh giới Hớn Quản - Chơn Thành	1,20	Xã Tân Khai	Khu vực 2	điều chỉnh hệ số
5	Bắc Nam 1a	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
6	Bắc Nam 1b	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
7	Bắc Nam 1	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
8	Bắc Nam 2	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
9	Bắc Nam 3	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
10	Bắc Nam 4	Toàn tuyến		0,48	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
13	Bắc Nam 5	Toàn tuyến		0,48	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
16	Đông Tây 1	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
17	Đông Tây 1	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 4 giao đường Bắc Nam 7	0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
18	Đông Tây 2	Ngã ba tiếp giáp Bắc Nam 1	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
19	Đông Tây 2	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Bắc Nam 7	0,42	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh đoạn
20	Đông Tây 3	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
21	Đông Tây 3	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã 3 giao đường Bắc Nam 7	0,42	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh đoạn
23	Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
25	Đông Tây 7	Ngã ba tiếp giáp QL13	Ngã 4 giao đường trục chính Bắc Nam	0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
30	Đông Tây 11	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
31	Đông Tây 12	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
32	Đông Tây 13	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Xã	Khu vực	Ghi chú
		Từ	Đến				
33	Đông Tây 14	Toàn tuyến		0,54	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
34	Đông Tây 15	Ngã ba giao QL13	Vòng xoay ngã 4 giao đường xã đi Đồng Nơ	0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
36	Đông Tây 16	Toàn tuyến		0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 2	điều chỉnh hệ số
81	Đường nhựa liên xã	Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 9	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 7 (Nhà ông Cao Tấn Kiệt)	0,80	Xã An Phú	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
82	Đường liên xã	Ngã ba Tân Quan	Cầu bà Hô giáp ranh Tân Quan	0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
83	Đường liên xã	Ngã 4 giao đường Đông Tây 1 và Bắc Nam 7	Giáp ranh xã Đồng Nơ	0,60	Xã Tân Khai	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
84	Đông Tây 4a	Ngã ba tiếp giáp Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	0,45	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
85	Đông Tây 4b	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	0,40	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
86	Đông Tây 4c	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	0,40	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
87	Đông Tây 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	0,45	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
88	Đông Tây 6	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba giao đường trục chính Bắc Nam	0,45	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
89	Đông Tây 6a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	0,45	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
90	Bắc Nam 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	0,40	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
91	Bắc Nam 5b	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	0,40	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
92	Bắc Nam 5c	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	0,40	Xã Tân Khai	Khu vực 1	bổ sung
J	**Huyện Bù Đăng**						
I	**Đường QL14**						
3	Quốc lộ 14	Hết ranh Trường THCS Nghĩa Trung	Ranh xã Đức Liễu-Nghĩa Bình	1,0	Xã Nghĩa Trung, Nghĩa Bình	Khu vực 3	Bổ sung thêm xã Nghĩa Trung
G	**Huyện Lộc Ninh**						
11	**QL13 đoạn từ ranh xã Lộc Hưng đến Ranh TT. Lộc Ninh tách đoạn như sau:**						
11a	Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Cây xanh Minh Tú	1,0	Xã Lộc Thái	Khu vực 1	điều chỉnh đoạn
11b	Quốc lộ 13	Cây xăng Minh Tú	Ngân hàng Agribank Lộc Thái	1,5	Xã Lộc Thái	Khu vực 1	điều chỉnh đoạn, hệ số
11c	Quốc lộ 13	Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Giáp ranh TT. Lộc Ninh	1,5	Xã Lộc Thái	Khu vực 1	điều chỉnh đoạn, hệ số
43	Quốc lộ 13	Giáp ranh Thị Trấn	Ngã ba liên ngành	1,0	Xã Lộc Tấn	Khu vực 1	KV2 lên KV1
46	Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh	Nhà hàng Sơn Hà	Ngã ba hố bom làng 10	0,9	Xã Lộc Tấn	Khu vực 2	KV3 lên KV2, điều chỉnh hệ số
71	Đường đi Tà Nốt	Ngã tư Mũi Tôn	Đường 14 C	0,5	Xã Lộc Thiện	Khu vực 3	bổ sung
72	Liên xã Lộc hòa - Lộc An	Trạm Y tế xã	Cổng chào ấp 6 xã Lộc Hòa	0,3	Xã Lộc Hoà	Khu vực 3	bổ sung
73	Đường nhựa	Chợ xã Lộc Hòa	Trụ điện số 16	0,3	Xã Lộc Hoà	Khu vực 3	bổ sung
74	Liên xã Lộc An - Lộc Tấn	Trụ điện số 57	Trụ điện số 75	0,4	Xã Lộc An	Khu vực 3	bổ sung
75	Liên xã Lộc An - Lộc Tấn	Nhà ông Sơn Mận	Ngã ba Trạm y tế	0,4	Xã Lộc An	Khu vực 3	bổ sung
H	**Huyện Bù Gia Mập**						
I	ĐT 741						
17	ĐT 741 đoạn từ Đầu ngã ba gốc gõ đến ranh xã Đak Ơ tách đoạn như sau:						
17a	ĐT 741	Đầu ngã ba gốc gõ	Ngã ba Đức Lập	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 2	điều chỉnh đoạn, KV3 lên KV2
17b	ĐT 741	Ngã ba Đức Lập	Ranh xã Đăk Ơ	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 3	điều chỉnh đoạn
IV	**Đường ĐT 760**						

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Xã	Khu vực	Ghi chú
		Từ	Đến				
1	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Ngã 3 NT Tỉnh uỷ Tiền Giang	0,9	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	điều chỉnh đoạn
1a	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú nghĩa	Hết ranh Ban CHQS huyện	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
V	**Các tuyến đường TTHC huyện Bù Gia Mập**						
1	Đường N18 (Khu dân cư phía tây)	Ngã tư đường ĐT 741	Hết ranh huyện đội	1,3	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
2	Đường A2 (Khu dân cư phía tây)	Ngã ba đường D17	Ngã ba đường B1	1,1	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
3	Đường B1 (Khu dân cư phía tây)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường A2	1,1	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
4	Đường D17 (Khu dân cư phía tây)	Ngã tư đường N18	Ngã ba đường A2	1,1	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
5	Đường N4 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường D3	Ngã ba đường D2	0,7	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
6	Đường D2 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường N4	0,7	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
7	Đường D3 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường ĐT760	Ngã ba đường N4	0,7	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
8	Đường NB1 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường D3	Ngã ba đường D2	0,7	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
9	Đường N8 (Khu TTHC huyện)	Ngã ba Đường ĐT 741	Ngã ba Đường vành đai	1,3	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
10	Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện)	Ngã ba Đường ĐT 741	Ngã ba Đường vành đai	1,3	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
11	Đường N10 (Khu TTH Chuyện)	Ngã ba Đường D15	Ngã ba Đường D11	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
12	Đường N11 (Khu TTHC huyện)	Ngã ba Đường ĐT 741	Ngã ba Đường Vành đai	1,3	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
13	Đường D15 (Khu TTHC huyện)	Ngã ba đường N9	Ngã tư đường N11	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
14	Đường D14 (KhuTTHC huyện)	Ngã ba đường N10	Ngã ba đường N11	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
15	Đường N12 (KhuTTHC huyện)	Ngã ba đường N9	Ngã tư đường N11	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
16	Đường N11 (Khu TTHC huyện)	Ngã ba đường N9	Ngã ba đường N11	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
17	Đường N10 (Khu TTHC huyện)	Ngã ba đường N8	Ngã tư đường N11	1,2	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
18	Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba Đường Vành đai	Ngã ba Đường N7	1,1	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
19	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba Đường Vành đai	Ngã ba Đường N7	1,1	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
20	Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện)	Ngã ba Đường ĐT 741	Ngã tư đường D8	1,1	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 1	bổ sung
21	Đường thôn Đăk Son	Ngã ba Đường ĐT 741	Cầu Đăk Son	0,5	Xã Phú Nghĩa	Khu vực 3	bổ sung
I	**Huyện Phú Riềng**						
VI	**Trung tâm xã Long Bình**						
1		Cách trụ sở UBND xã 500 m về hướng xã Long Hà	Cầu xã Long Bình	1,2	Xã Long Bình	Khu vực 2	điều chỉnh hệ số
X	**Đường nội ô TTTM Phú Riềng**						
1	Đường số 1 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường DH 312	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	3,0	Xã Phú Riềng	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
2	Đường số 2 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường DH 312	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	3,0	Xã Phú Riềng	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
J	**Huyện Bù Đốp**						
2	ĐT 759B	Trụ điện 181	Trụ điện 185	1,5	Xã Tân Thành	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
3	ĐT 759B	Trụ điện 185	Trụ điện 190	1,8	Xã Tân Thành	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số
4	ĐT 759B	Trụ điện 190	Trụ điện 191	1,5	Xã Tân Thành	Khu vực 1	điều chỉnh hệ số

STT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh	Xã	Khu vực	Ghi chú
		Từ	Đến				
22	Đường Sóc Nê	Ngã ba Sóc Nê vào 60m	Hết ranh đất trường cấp II+III và trường tiểu học	0,7	Xã Tân Tiến	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
23	Đường Sóc Nê	Hết ranh đất trường cấp II+III và trường tiểu học	Suối Đá	0,4	Xã Tân Tiến	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số
31	Đường nhựa	Từ ngã ba chợ	Bệnh viện E717	1,4	Xã Thiện Hưng	Khu vực 3	điều chỉnh hệ số